TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **92**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-10-2018
V/v tranh chấp:"Không công nhận là vợ chồng "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Trao

Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 614/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp "Không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị M**, sinh năm 1967

Địa chỉ: Tổ 13, ấp 3, xã T, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

2.Bị đơn: Anh **Đặng Văn H**, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị M có mặt, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị M trình bày:

Chị và anh Đặng Văn H tự nguyện chung sống vào năm 2000, có tổ chức cưới nhưng do không hiểu biết pháp luật nên anh chị không đăng ký kết hôn.

Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H ham mê cờ bạc, không quan tâm cho gia đình. Từ khoảng tháng 12/2003 chị và anh H chính thức sống ly thân nhau cho đến nay không hòa giải đoàn tụ.

Nay chị yêu cầu Tòa án xét xử không công nhận chị và anh H là vợ chồng.

- Con chung: có 01 cháu tên là Phạm Quốc V, sinh ngày 17/5/2003. Do chị và anh H không có đăng ký kết hôn nên con chung mang họ "Phạm" của chị. Nếu Tòa án xét xử, chị xin nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Đặng Văn H trình bày tại hồ sơ:

Anh và chị Phạm Thị M tự nguyện chung sống vào đầu năm 2000, có tổ chức cưới nhưng do không hiểu biết pháp luật nên không đăng ký kết hôn.

Anh và chị M chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn với gia đình chị M nên xảy ra bất hòa. Từ khoảng tháng 12/2003 anh chị sống ly thân nhau. Nay chị M yêu cầu Tòa án xét xử không công nhận anh và chị M là vợ chồng, anh đồng ý.

- Con chung: có 01 cháu tên là Phạm Quốc V, sinh ngày 17/5/2003. Nếu Tòa án xét xử, anh đồng ý giao con chung cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận đi làm nên anh xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị M và anh Đặng Văn H tự nguyện chung sống vào năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Nay chị M yêu

cầu xét xử không công nhận là vợ chồng với anh H, xin được nuôi con chung là cháu Phạm Quốc Vương- sinh ngày 17/5/2003, không yêu cầu yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, 14, 15 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Đặng Văn H xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Phạm Thị M yêu cầu xét xử không công nhận là vợ chồng với anh Đặng Văn H vì anh chị chung sống nhưng không đăng ký kết hôn. Anh H cư trú tại ấp 2, xã T, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định "Không công nhận là vợ chồng". Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Phạm Thị M, bị đơn là anh Đặng Văn H.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M chung sống với anh Đặng Văn H vào năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 nên hôn nhân trên không được xem là hợp pháp. Tại phiên tòa, chị M yêu cầu xét xử không công nhận là vợ chồng với anh H, tại hồ sơ anh H đồng ý. Xét yêu cầu của chị M là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[4]. Về con chung: Chị M và anh H thừa nhận có 01 con chung là cháu Phạm Quốc V, sinh ngày 17/5/2003. Chị M xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, tại hồ sơ anh H đồng ý. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị M là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[5]. Tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh H khai không có nên không xét.

[6]. Về án phí: Chị M phải chịu toàn bộ 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010), Điều 14, Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị M về việc "Không công nhận là vợ chồng" đối với bị đơn anh Đặng Văn H.

1. Xử: Không công nhận chị Phạm Thị M và anh Đặng Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Xử giao cháu Phạm Quốc V, sinh ngày 17/5/2003 cho chị M nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi vị trí nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 004201 ngày 31/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Chị M đã nộp đủ án phí.

Chị Phạm Thị M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Đặng Văn H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mai